

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2021/HN-ST**

Ngày: 06/4/2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 360/TLST - HNGĐ ngày 21/12/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST - HN ngày 16/3/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm: 1997. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6Đ, xã NT, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bảo Kh, sinh năm: 1997 (Có đơn xin vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Phương L, sinh năm: 1976 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày và yêu cầu như sau: Chị và anh Kh tìm hiểu nhau chung sống với nhau từ năm 2019, anh chị được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và anh chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, đã được UBND xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/02/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại ấp 7XI đến tháng 4/2020 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do giữa chị và anh Kh luôn bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh Kh không quan tâm lo lắng cho vợ con. Do xét thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nữa nên chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Bảo Kh.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Kh có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiện Nh, sinh ngày 07/8/2020. Hiện nay, cháu đang chung sống cùng chị Tr nên chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Phương thức cấp dưỡng 03 tháng/lần. Thời gian cấp dưỡng, bắt đầu từ ngày 06/4/2021.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới, chị và anh Kh được cha mẹ hai bên cho 40 chỉ vàng 24kr, cụ thể: cha mẹ chồng cho 20 chỉ vàng 24kr và 10 chỉ vàng 18kr, hai bên dòng họ cho 10 chỉ vàng 24kr. Sau khi cưới, mẹ chồng (bà Trần Phương L) mượn 35 chỉ vàng 24kr để cố đất. Sau đó, có thêm được 05 chỉ vàng 24kr (*vàng lãi do mẹ chồng cố đất rồi cho thuê lại*), tổng cộng bà L mượn là 40 chỉ vàng 24kr. Do đó, chị Tr yêu cầu bà L trả cho chị 20 chỉ vàng 24kr, số vàng bà L còn nợ lại là phần của anh Kh được hưởng. Nhưng đến ngày 16/3/2021, chị Tr có đơn xin rút lại 01 phần khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với bà L và anh Kh.

Về nợ chung: Chị Tr xác nhận, trong quá trình chung sống giữa chị và anh Kh không có phát sinh nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Bảo Kh trình bày và yêu cầu như sau:* Anh xác nhận, anh và chị Tr chung sống và có thực hiện việc đăng ký kết hôn, được UBND xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/02/2020. Sau khi cưới, anh chị về sinh sống riêng tại ấp 7XI đến tháng 4/2020 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Tr không toàn tâm toàn ý chung sống với anh, mỗi lần chị Tr về nhà cha mẹ ruột anh không chờ về nhưng đều cho tiền nhưng chị Tr không hài lòng thường hay quạo đối với anh. Đến ngày 05/4/2020 (âl) chị Tr hỏi về nhà cha mẹ ruột chơi và không về nữa, anh không biết lý do vì sao chị Tr đi không về và yêu cầu ly hôn với anh. Nay, chị Tr yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Tr

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị Tr có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiện Nh, sinh ngày 07/8/2020. Hiện nay, cháu đang chung sống cùng chị Tr nên anh đồng ý giao cháu Nh cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Tr.

Về tài sản chung: Trước khi cưới, anh có mua cho chị Tr 06 chỉ vàng 18kr (04 chiếc vòng ximen, 01 chiếc lắc và 01 đôi bông tai). Trong ngày cưới, anh chị

được cha mẹ ruột anh Kh cho 21 chỉ vàng 24kr và 09 chỉ vàng 18kr. Sau khi cưới, anh chị bán 10 chỉ vàng 24kr để làm vốn cân cua, số còn lại khi đi chị Tr mang theo hết. Do đó, chị Tr cho rằng bà L mượn 40 chỉ vàng 24kr của vợ chồng đến nay chưa trả là hoàn toàn không có.

Về nợ chung: Anh Kh xác nhận, trong quá trình chung sống giữa anh và chị Tr không có phát sinh nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trần Phương L trình bày như sau:* Khi đám cưới, bà có cho anh Kh và chị Tr 21 chỉ vàng 24kr và 09 chỉ vàng 18kr. Sau khi cưới, anh Kh và chị Tr ở riêng trên phần đất bà cho mượn để nuôi tôm. Thời gian này, do ở riêng và chị Tr ít xuống nhà chơi nên giữa bà và chị Tr ít khi nói chuyện với nhau nên giữa bà và chị Tr không xảy ra chuyện gì. Những lúc bà xuống chơi, thấy anh Kh và chị Tr có cự cãi bà có la rầy và khuyên dạy, bà không nặng lời với chị Tr.

Đối với số vàng cưới bà cho, sau khi anh Kh và chị Tr đem bán làm vốn nhưng bà không biết đã bán bao nhiêu và còn lại bao nhiêu. Khi bán, anh chị không hỏi ý kiến bà. Do đó, việc này bà không có liên quan và hoàn toàn không biết. Bà khẳng định, bà không có mượn vàng như chị Tr trình bày nên bà không đồng ý trả theo yêu cầu của chị Tr.

** Tại phiên tòa:*

- *Chị Tr yêu cầu:*

+ Về hôn nhân: Được ly hôn với anh Nguyễn Bảo Kh;

+ Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nh và yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng 03 tháng/lần. Bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 06/4/2021 cho đến khi cháu Nh đủ tuổi trưởng thành.

+ Về tài sản chung: Xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với bà L và anh Kh.

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Anh Kh:* Vắng mặt.

- *Bà L:* Vắng mặt.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr về việc ly

hôn với anh Kh, tiếp tục giao con cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng và anh Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu Nh đủ tuổi trưởng thành. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Tr về việc chia tài sản chung do chị Tr rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Bảo Kh là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị Tr khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh Kh đang sinh sống tại ấp 7XI, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của đương sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Ngày 20/01/2021, anh Kh và bà L có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Kh và bà L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Tr và anh Kh chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/02/2020 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Tr về việc ly hôn với anh Kh. HĐXX xét thấy, qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy giữa chị Tr và anh Kh thường xảy ra cự cãi, tính tình không hòa hợp nên anh chị đã ly thân với nhau trong thời gian chung sống là đúng. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Kh xác định giữa anh và chị Tr đã ly thân với nhau từ tháng 4/2020 đến nay nên anh cũng ý ly hôn với chị Tr.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Tr và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị Tr được ly hôn với anh Kh.

[3] *Về quan hệ con chung*: Xét yêu cầu của chị Tr về việc được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thiện Nh, sinh ngày 07/8/2020. HĐXX xét thấy, yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị Tr là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 luật HNGĐ 2014. Đồng thời, anh Kh cũng có ý kiến đồng ý giao cháu Nh cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Tr.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Xét yêu cầu của chị Tr về việc yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu Nh đủ tuổi trưởng thành. HĐXX xét thấy, yêu cầu này của chị Tr là

có cơ sở. Bởi vì, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*" và mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với nhu cầu thiết yếu hiện nay của cháu Nh nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của chị Tr.

[5] *Về tài sản chung*: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ kiện, chị Tr có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng chị mà bà L (mẹ anh Kh) đã mượn, cụ thể là yêu cầu bà L trả cho chị 20 chỉ vàng 24kr, số vàng bà L còn nợ lại là phần của anh Kh được hưởng. Nhưng đến ngày 16/3/2021, chị Tr có đơn xin rút lại 01 phần khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung này. HĐXX xét thấy, việc rút yêu cầu chia tài sản chung của chị Tr là tự nguyện, không ai ép buộc nên HĐXX chấp nhận.

[6] *Về nợ chung*: Chị Tr và anh Kh xác định, không có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, trường hợp có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của anh chị thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Buộc chị Tr phải chịu án phí hôn nhân với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Buộc anh Kh phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Bảo Kh.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thiện Nh (*sinh ngày 07/8/2020, giới tính nam*) cho chị Tr trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (*hiện nay cháu Nh đang chung sống cùng chị Tr*).

Sau khi ly hôn, anh Kh không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Trường hợp, anh Kh lạm dụng vào việc thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con của chị Tr thì chị Tr có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Kh.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Buộc anh Nguyễn Bảo Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), phương thức cấp dưỡng: 03 tháng/lần và bắt đầu cấp dưỡng từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nh đủ tuổi trưởng thành.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Buộc chị Nguyễn Thị Tr chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006173 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nên chị Tr không phải nộp thêm.

- Buộc anh Nguyễn Bảo Kh chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. *Quyền kháng cáo:* Chị Tr có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 06/4/2021).

Anh Kh và bà L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã **ĐH**;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh